

Số: 34628/CT-HITr
V/v trả lời chính sách thuế.

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2015

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
(Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội. MST: 0100150619)

Trả lời công văn số 1693/BIDV-TC ngày 02/4/2015 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (sau đây gọi tắt là BIDV) hỏi về vướng mắc trong áp dụng chính sách thuế GTGT đối với phí dịch vụ chuyển tiền thu hộ ngân hàng nước ngoài, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến về nguyên tắc như sau:

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng.

+ Điều 5 Chương I quy định các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT:

"1. Tổ chức, cá nhân nhận các khoản thu về bồi thường bằng tiền (bao gồm cả tiền bồi thường về đất và tài sản trên đất khi bị thu hồi đất theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền), tiền thưởng, tiền hỗ trợ, tiền chuyển nhượng quyền phát thải và các khoản thu tài chính khác.

Cơ sở kinh doanh khi nhận khoản tiền thu về bồi thường, tiền thưởng, tiền hỗ trợ nhận được, tiền chuyển nhượng quyền phát thải và các khoản thu tài chính khác thì lập chứng từ thu theo quy định. Đối với cơ sở kinh doanh chi tiền, căn cứ mục đích chi để lập chứng từ chi tiền.

...

7. Các trường hợp khác:

Cơ sở kinh doanh không phải kê khai, nộp thuế trong các trường hợp sau:

...

d) Các khoản thu hộ không liên quan đến việc bán hàng hóa, dịch vụ của cơ sở kinh doanh.

..."

+ Tại Điều 11 Mục 1 Chương II quy định trường hợp áp dụng thuế suất 10%.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

"2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC như sau:

"1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt."

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT- BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2014.

+ Tại Khoản 1 Điều 1 Chương I quy định đối tượng áp dụng:

"1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thoả thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu."

+ Tại Điều 2 Chương I quy định đối tượng không áp dụng: Không quy định đối với dịch vụ chuyển tiền từ Việt Nam ra nước ngoài.

+ Tại Điều 4 Chương I quy định người nộp thuế:

"2. Tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tổ chức đăng ký hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tổ chức khác và cá nhân sản xuất kinh doanh: mua dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hoá hoặc trả thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng nhà thầu hoặc hợp đồng nhà thầu phụ..."

Người nộp thuế theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 4 Chương I có trách nhiệm khấu trừ số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp hướng dẫn tại Mục 3 Chương II trước khi thanh toán cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài."

+ Tại Điều 6 Mục 1 Chương II quy định đối tượng chịu thuế GTGT:

"1. Dịch vụ hoặc dịch vụ gắn với hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế GTGT do Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng tại Việt Nam (trừ trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I)"

+ Tại Điều 7 Mục 1 Chương II quy định thu nhập chịu thuế TNDN:

"1. Thu nhập chịu thuế TNDN của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là thu nhập phát sinh từ hoạt động cung cấp, phân phối hàng hoá; cung cấp dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hoá tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ (trừ trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I)"

3. Thu nhập phát sinh tại Việt Nam của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là các khoản thu nhập nhận được dưới bất kỳ hình thức nào trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ (trừ trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I), không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành hoạt động kinh doanh của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài.”

+ Tại Điều 12 Mục 3 Chương II quy định doanh thu tính thuế GTGT:

“Doanh thu tính thuế GTGT là toàn bộ doanh thu do cung cấp dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp, kể cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có).”

+ Tại Điều 13 Mục 3 Chương II quy định doanh thu tính thuế TNDN:

“Doanh thu tính thuế TNDN là toàn bộ doanh thu không bao gồm thuế GTGT mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp. Doanh thu tính thuế TNDN được tính bao gồm cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có).”

Căn cứ các quy định trên, trường hợp BIDV phát sinh nghiệp vụ chuyển tiền thanh toán quốc tế cho khách hàng từ Việt Nam vào tài khoản mở tại ngân hàng nước ngoài và khi khách hàng thực hiện giao dịch, BIDV sẽ thực hiện thu của khách hàng Việt Nam 2 loại phí: Phí chuyển tiền trả cho BIDV - ngân hàng trong nước (BIDV trực tiếp thu) và phí chuyển tiền trả cho ngân hàng nước ngoài (BIDV thu hộ ngân hàng nước ngoài) thì:

- Với khoản phí chuyển tiền trực tiếp thu của khách hàng: BIDV có trách nhiệm lập hóa đơn, kê khai, nộp thuế GTGT đầu ra theo thuế suất 10% đối với khoản phí thu được theo quy định.

- Với khoản phí chuyển tiền thu hộ cho ngân hàng nước ngoài:

+ Khi thu tiền, BIDV lập chứng từ thu giao cho khách hàng để khách hàng làm căn cứ tính chi phí theo quy định.

+ Khi chuyển trả phí cho ngân hàng nước ngoài, BIDV có trách nhiệm kê khai, khấu trừ và nộp thay thế nhà thầu cho ngân hàng nước ngoài đối với phần phí ngân hàng nước ngoài được hưởng theo quy định.

Cục Thuế TP. Hà Nội thông báo cho BIDV biết và thực hiện theo đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn tại văn bản này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Kiểm tra thuế số 2;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, IT(2).

